

Số 1.546/NSHN-TCKT

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2022

V/v: Báo cáo giám sát 6 tháng đầu năm 2022

Kính gửi : - Sở Tài chính Hà Nội
- Chi cục Tài chính doanh nghiệp

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội báo cáo Sở Tài chính, Chi cục Tài chính doanh nghiệp về tình hình quản lý vốn, tài sản, kết quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

1. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	30/06/2021	30/06/2022
Tổng nguồn vốn	3.412.656	3.516.725
Trong đó		
- Vốn góp của chủ sở hữu	3.412.000	3.412.000
- Quỹ đầu tư phát triển	656	104.725
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0

Vốn chủ sở hữu trong kỳ đã được bảo toàn và phát triển.

2. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước

2.1 Hoạt động đầu tư các dự án

(Biểu 02A – Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành TSCĐ và XDCB).

2.2 Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Đến 30/06/2022, tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác như sau:

2.2.1 Đầu tư vào công ty con (Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội):

Đến 30/06/2022, số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ.

Trong 6 tháng đầu năm 2022 Công ty Nước sạch số 2 đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định. Doanh thu 6 tháng đầu năm của Công ty: 245,7 tỷ đồng (đạt 49,7% kế hoạch); lợi nhuận sau thuế: 6,85 tỷ đồng (đạt 48,4% kế hoạch).

- Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội đã tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Tại Đại hội, các cổ đông thống nhất thông qua Kế hoạch SXKD năm 2022 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, trong đó tỷ lệ chia cổ tức là 1,46% vốn điều lệ (đã thực hiện chi trả vào tháng 7/2022).

2.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết:

2.2.2.1 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Viwaco:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 19.655,3 triệu đồng. Số lượng cổ phần nắm giữ: 7.584.880 cổ phần, chiếm 23,7% vốn điều lệ. Trong năm 2021, Công ty cổ phần Viwaco đã tăng vốn điều lệ từ 160 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng (theo phương thức phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2020).

- Công ty Cổ phần Viwaco đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2022 là 9.481 triệu đồng; tỷ lệ chia cổ tức là 25% vốn điều lệ (Công ty Nước sạch Hà Nội đã hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính theo đúng quy định).

- Đến hết tháng 6/2022, hoạt động kinh doanh của công ty có lợi nhuận sau thuế là 32,1 tỷ đồng.

2.2.2.2 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội:

- Số vốn đã góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 2 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ. Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thống nhất thông qua Kế hoạch SXKD năm 2022 (với Lợi nhuận sau thuế là 157 triệu đồng) và thông qua phương án không phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021 theo biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/05/2022.

- Doanh thu 6 tháng đầu năm 2021 đạt 5.645 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế: -910 triệu đồng.

2.2.2.3 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng:

- Số vốn đã góp của Công ty Nước sạch Hà Nội đến hết năm 2022 là 47.964 triệu đồng, chiếm 8,65% vốn điều lệ trong tổng số vốn điều lệ dự kiến tham gia là 20%. Vốn thực góp của Công ty đảm bảo chiếm 20% số vốn thực góp của các cổ đông (theo kế hoạch

góp vốn của Công ty Cổ phần, phù hợp với tiến độ thực hiện của dự án). Năm 2022, Công ty CP Nước mặt Sông Hồng đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào kinh doanh. Hiện nay, công ty đang thực hiện các hạng mục xây dựng nhà máy.

2.2.2.4 Đầu tư vào Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội: 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ.

- Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022: Tổng doanh thu: 10.343 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế: 119 triệu đồng.

2.2.3 Đầu tư khác (Góp vốn vào Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống: số vốn đã góp 99.961 triệu đồng, chiếm 10% vốn điều lệ).

Tuy đã đi vào hoạt động nhưng cho đến thời điểm hiện nay nhà máy chưa thể tối đa công suất do mạng lưới đường ống cấp nước tại các khu vực thuộc phạm vi cấp nước của dự án chưa được xây dựng đầy đủ theo tiến độ dự kiến. Bên cạnh đó, do dự án chưa được phê duyệt phương án giá chính thức nên chưa có cơ sở báo cáo thành phố xem xét cấp bù giá. Vì vậy, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đến 30/06/2022, Công ty cổ phần Nước mặt Sông Đuống lỗ 127 tỷ đồng; lỗ lũy kế 981 tỷ đồng. Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính đối với số lỗ các năm 2019-2020-2021.

2.3 Huy động vốn và sử dụng vốn (phụ lục 02 A chi tiết kèm theo)

Việc cân đối nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ nguồn vốn ngắn hạn, dài hạn cho hoạt động bình thường của công ty.

Vốn vay được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, trả nợ đúng hạn. Công ty không có nợ quá hạn tại các tổ chức tín dụng.

2.4 Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

2.4.1 Quản lý, sử dụng tài sản:

a. Quản lý tài sản ngắn hạn:

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản = 30,28%
- Tiền và các khoản tương đương tiền: 289.507 triệu đồng.
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: 1.077.000 triệu đồng.
- Các khoản phải thu ngắn hạn: 153.256 triệu đồng (chiếm 2,76% tổng tài sản).
- Quản lý hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác: Hàng tồn kho 97.191 triệu đồng, tài sản ngắn hạn khác 62.325 triệu đồng.

b. Quản lý tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn/Tổng tài sản = 69,72%. Trong đó, tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến ngày 30/06/2022, nợ phải trả của Công ty là 1.936.854 triệu đồng, chiếm 34,92% tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là khoản phải trả, phải nộp liên quan đến các dự án nguồn vốn ngân sách ứng trước có hoàn trả từ khấu hao TSCĐ và các khoản vay, nợ dài hạn phục vụ cho đầu tư phát triển (hiện tại Công ty đang thực hiện thanh toán nợ phải trả theo hợp đồng, đúng kỳ hạn, không có nợ quá hạn).

Công ty đã mở sổ theo dõi nợ phải trả cho từng đối tượng theo quy định. Công ty đã ban hành Quy chế quản lý nợ theo Quyết định 869/NSHN-HĐTV ngày 10/6/2014. Công nợ được quản lý chặt chẽ, hàng năm việc đối chiếu công nợ được thực hiện theo quy định trước khi khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Công ty không có công nợ phải trả quá hạn.

Khả năng thanh toán hiện hành = Tổng tài sản/Nợ phải trả: 2,86 lần

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn = Tổng TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn: 3,86 lần.

Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu = 0,54 lần.

Qua các chỉ tiêu trên cho thấy, Công ty đảm bảo tốt khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nợ đến hạn.

2.4.2 Tình hình lưu chuyển tiền tệ

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của công ty ổn định, lượng tiền lưu thông đảm bảo tốt khả năng thanh toán nợ đến hạn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Dòng tiền của hoạt động đầu tư chủ yếu phục vụ việc mua sắm tài sản, đầu tư có kỳ hạn, thu từ hoạt động đầu tư là cổ tức từ việc đầu tư vào công ty liên kết.

Dòng tiền hoạt động tài chính là lãi tiền gửi và thanh toán lãi vay.

3. Giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Ngày 27/04/2022, UBND Thành phố có văn bản số 1914/QĐ-UBND giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2022 của Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội.

Đến 30/06/2022, tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022 của công ty như sau:

3.1 Doanh thu và thu nhập khác:

- Tổng doanh thu 817.949 triệu đồng, bằng 47,69% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 771.813 triệu đồng.

+ Thu nhập hoạt động tài chính: 45.454 triệu đồng (bao gồm lãi tiền gửi có kỳ hạn; cổ tức được chia trong năm tại của công ty con, công ty liên kết).

+ Thu nhập khác: 681 triệu đồng do ghi nhận từ thanh lý và nhượng bán tài sản.

- Công ty đã thực hiện mở sổ theo dõi chi tiết doanh thu và thu nhập trong năm tài chính.

- Doanh thu 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty không đạt kế hoạch do ảnh hưởng lớn của dịch bệnh Covid-19, đặc biệt trong Quý I/2022. Sau khi tình hình Covid được kiểm soát, các cơ sở kinh doanh, dịch vụ bắt đầu quay trở lại hoạt động nhưng chưa ổn định và còn rất hạn chế. Để giảm bớt ảnh hưởng của dịch bệnh, từ Quý II/2022 Công ty đã kịp thời

có các giải pháp như: nâng cao mức độ dịch vụ cấp nước cho khách hàng, tăng cường kiểm tra áp giá, đẩy mạnh công tác chống thất thoát thất thu chủ động... Doanh thu từ tháng 5/2022 đã có sự thay đổi tích cực, tuy nhiên chưa bù đắp được toàn bộ phần thiếu hụt so với kế hoạch đề ra.

3.2 Chi phí:

Tổng chi phí trong 6 tháng đầu năm 2022 Công ty đã thực hiện chi là 701.837 triệu đồng, trong đó giá vốn hàng bán: 373.278 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp: 29.151 triệu đồng, chi phí bán hàng: 262.883 triệu đồng, chi phí tài chính: 35.925 triệu đồng, chi phí khác: 600 triệu đồng. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, trong 6 tháng đầu năm Công ty tiếp tục giãn hoãn nhiều hạng mục chi phí như chi phí sửa chữa lớn, chi phí thay thế đồng hồ định kì, các chi phí hành chính khác để đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận. Tuy nhiên chi phí cho việc xét nghiệm và phòng chống dịch tăng cao. Các dự án đầu tư không triển khai đúng tiến độ đề ra.

3.3 Kết quả sản xuất kinh doanh:

Tổng lợi nhuận trước thuế: 116.111 triệu đồng.

Tổng lợi nhuận sau thuế: 94.785 triệu đồng, bằng 72,31 % kế hoạch.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) = 2,61%.

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) = 1,71%

Đánh giá chung: Năm 2022 vẫn là một năm khó khăn với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, đặc biệt là 6 tháng đầu năm. Sự phục hồi của nền kinh tế sau thời gian kéo dài của dịch bệnh Covid 19 còn chậm, các ngành nghề kinh doanh chưa khôi phục được hoạt động như trước thời gian dịch bệnh. Việc thay đổi tư duy và thói quen sử dụng nước ảnh hưởng đến cơ cấu giá, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty (chỉ đạt 47,69% so với kế hoạch năm 2022). Tuy nhiên do tiết giảm chi phí cũng như giãn hoãn một số hạng mục chi phí như chi phí sửa chữa lớn, chi phí thay thế đồng hồ định kì, các chi phí hành chính, nhiều chi phí tập trung vào 6 tháng cuối năm... nên lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm đạt 94.785 triệu đồng. Việc giãn hoãn các chi phí sửa chữa tuy tiết kiệm chi phí trong ngắn hạn nhưng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác kinh doanh do dịch vụ cấp nước không được phát huy tối ưu, tỉ lệ thất thoát thất thu không đạt kế hoạch đề ra, ảnh hưởng đến doanh thu toàn Công ty. Trong 6 tháng cuối năm, Công ty phải tiếp tục duy trì sự ổn định, đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, khắc phục những khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, tiếp tục nỗ lực để hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu được UBND Thành phố Hà Nội giao trong năm 2022.

3.4 Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Công ty thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước kịp thời, đúng quy định. Tổng nộp ngân sách trong 6 tháng năm 2022 phải nộp là 123.887 triệu đồng, số đã thực nộp là 132.854 triệu đồng (đã bao gồm lợi nhuận còn lại).

3.5 Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

Đến 30/6/2022 Công ty đã thực hiện tạm phân phối lợi nhuận năm 2021 vào các quỹ và nộp lợi nhuận còn lại vào ngân sách nhà nước theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/4/2016 của Bộ Tài chính. Tổng số lợi nhuận còn lại đã nộp Ngân sách 6 tháng đầu năm là 27.658.484.722 đồng

4. Giám sát việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác.

4.1 Việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp:

Đối với công tác này ngày 26/08/2021, Công ty đã có công văn số 2036/NSHN-TCKT gửi Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả cổ phần hóa, thoái vốn giai đoạn 2016-2020 và đề xuất phương án thực hiện giai đoạn 2021-2025 như sau:

“1. Tạm thời chưa cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội trong giai đoạn 2021-2025 (giữ nguyên mô hình Công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con) để đảm bảo ổn định hoạt động, ổn định sản xuất cấp nước và thực hiện quy hoạch cấp nước thủ đô theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trong giai đoạn tiếp theo, trên cơ sở đánh giá tình hình quản lý cấp nước chung của thành phố Hà Nội và cả nước để xem xét đề xuất lộ trình và phương thức thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội, trong đó vốn Nhà nước vẫn giữ chi phối (từ trên 65% trở lên) hoặc không cổ phần hóa.”

4.2 Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết:

a. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty con:

- Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: vốn góp 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ. Tại văn bản số 5506/STC-TCDN ngày 27/8/2020, Sở Tài chính đã báo cáo UBND thành phố Hà Nội và đề xuất nguyên tắc điều chỉnh “*Đối với các ngành nghề kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp nhà nước thì dừng thực hiện thoái vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước để tập trung hoàn thành công tác cổ phần hóa theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ*”.

Tại công văn số 2036/NSHN-TCKT ngày 26/08/2021 gửi Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả cổ phần hóa, thoái vốn giai đoạn 2016-2020, Công ty Nước sạch Hà Nội đã có kiến nghị như sau:

“...

3. Cho phép Công ty Nước sạch Hà Nội dừng thoái vốn tại Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội, giá trị vốn đầu tư vào Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội sẽ được xác định vào giá trị doanh nghiệp theo quy định hoạt động Công ty mẹ - công ty con và khi thực hiện cổ phần hóa Công ty Nước sạch Hà Nội.”

b. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Viwaco: vốn góp 19.655,3 triệu đồng, chiếm 23,7% vốn điều lệ.

- Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng hạ tầng Nước sạch Hà Nội: vốn góp 2 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.

- Công ty cổ phần nước mặt Sông Hồng: đến nay đã góp theo lộ trình là 47.964 triệu đồng, chiếm 8,65% vốn điều lệ trong tổng số vốn điều lệ dự kiến tham gia là 20%.

Các doanh nghiệp trên không có trong danh mục thoái vốn của Công ty.

- Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội, đã góp 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ. Ngày 26/08/2021, Công ty đã có công văn số 2036/NSHN-TCKT gửi Sở Tài chính về việc đề xuất phương án cho phép Công ty Nước sạch Hà Nội tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội. Hiện tại, Công ty đang giao cho tổ công tác thực hiện các nội dung chuẩn bị cho công tác thoái vốn theo quy định.

c. Đầu tư khác

Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống, theo chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội, Công ty Nước sạch Hà Nội góp 10% vốn điều lệ, hiện đã: vốn góp 99.961 triệu đồng, tương đương 10% vốn điều lệ.

5. Giám sát thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động.

Quỹ tiền lương thù lao của 9 người quản lý năm 2022 là: 3.654.028.080 đồng. Đến 30/06/2022, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện chi trả: 1.101.720.000 đồng.

Quỹ lương của người lao động trong năm 2022 là: 183.679.888.136 đồng. Đến 30/06/2022, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động: 82.156.271.404 đồng.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội kính báo cáo Sở Tài chính, Chi cục tài chính doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐTV (đề b/c)
- KSV Công ty
- Lưu

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2022			Giải ngân năm 2022			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng	
			A	B	C	KT KT		Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Đến 30/06/2022	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Đến 30/06/2022		
3	Cải tạo HCN tuyến PP và dịch vụ ÔSC - Cầu Giấy	Cải tạo thay thế đồng hồ			x		QĐ 1316/NSHN-CTCN ngày 15/6/2021	55,588	26,130	47%	29,458				10	6.7%	-	1,646	1,646	477	24,901	25,378		
4	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô19D Hai Bà Trưng	Cải tạo thay thế đồng hồ			x		QĐ 2379/NSHN-CTCN ngày 28/10/2020	37,649	15,621	41%	22,028	59%			10	7.0%	396	24,309	24,705	12,114	16,514	28,628	29,464	
5	Cải tạo MLCN - chống TTTT KV3+KV4 Ô9A - Đống Đa	Cải tạo thay thế đồng hồ			x			8,750	8,750	100%	-	0%					-	472	472	-	3,226	3,226		
6	Cải tạo MLCN - chống TTTT KV Ô11 - Đống Đa	Cải tạo thay thế đồng hồ			x		QĐ 1837/NSHN-CTCN ngày 04/8/2021	64,133	32,563	51%	31,570	49%			10	6.8%	-	2,427	2,427	635	23,647	24,282		
7	Cải tạo mạng lưới cấp nước và chống thất thoát thất thu khu vực Ô Đền Lừ (khu cao tầng) - Xi nghiệp Hoàng Mai	Cải tạo thay thế đồng hồ			x		Số 2174/NSHN-CTCN ngày 14/9/2021	8,535	8,535	100%	-	0%					-	343	343	2,602	57	2,659	6,478	
8	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực DMA3, 4 - Ô19.2 Hoàng Mai	Cải tạo thay thế đồng hồ			x		Số 2240/NSHN-CTCN ngày 04/10/2021	44,228	22,957	52%	21,271	48%			10	6.8%	-	1,293	1,293	379	12,701	13,080		
9	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô19B+B1 Hoàng Mai	Cải tạo thay thế đồng hồ			x		Số 993/NSHN-CTCN ngày 11/5/2021	79,215	35,708	45%	43,507	55%			10	7.28%	551	57,128	57,679	22,267	35,412	57,679	56,261	
10	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô7 Nhật Tân - Ba Đình	Cải tạo thay thế đồng hồ			x		QĐ 1188/NSHN-CTCN ngày 31/5/2021	30,274	9,520	31%	20,754	69%			10	6.7%	-	26,107	26,107	11,977	14,130	26,107	27,200	
11	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô1C - Cầu Giấy	Cải tạo thay thế đồng hồ			x			56,289	25,109	45%	31,180	55%												
12	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô1D - Cầu Giấy	Cải tạo thay thế đồng hồ			x			70,542	35,271	50%	35,271	50%												
13	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực BD26-Ô15 - Ba Đình	Cải tạo thay thế đồng hồ			x			9,279	9,279	100%	-	0%												
14	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô28 - Hai Bà Trưng	Cải tạo thay thế đồng hồ			x			62,180	31,090	50%	31,090	50%												
15	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô17 - Đống Đa	Cải tạo thay thế đồng hồ			x			68,855	34,428	50%	34,427	50%												
16	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực DMA5 - Ô13 - Đống Đa	Cải tạo thay thế đồng hồ			x			10,286	10,286	100%	-	0%												
17	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực 2 Ô9B - Đống Đa	Cải tạo thay thế đồng hồ			x			11,864	11,864	100%	-	0%												
III	Các dự án Cải tạo MLCN							35,455	35,455	100%	-	0%	-	-	-	-	-	587	587	-	914	914	-	
B	Các dự án nhóm C và BCKTKT																							
1	Bổ sung điểm đầu và tuyến ống truyền dẫn cấp nước cho khu vực thị trấn Quang Minh, Chi Đông - huyện Mê Linh	Xây dựng mới MLCN						35,455	35,455	100%	-	0%						587	587		914	914		

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2022			Giải ngân năm 2022	Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng			
			A	B	C	KT KT		Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Đến 30/06/2022			Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	Đến 30/06/2022
IV	Các dự án khác						361,605	361,605	-					-	-	-	532	6,999	7,531	3,249	4,743	7,992	6,981	
A	Các dự án nhóm C và BCKTKT																							
1	Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu bằng công nghệ GIS mạng phân phối, dịch vụ cho các đơn vị KDNS còn lại và xây dựng phần mềm Dashboard	Mua thiết bị phần cứng; Xây dựng bản đồ nền Web Map; Xây dựng bản đồ mạng lưới phân phối, dịch vụ cho các đơn vị KDNS còn lại				x	518/NSHN-CTCN ngày 12/3/2021	7,900	7,900	100%	-	0%	2021-2022				532	6,999	7,531	3,165	4,366	7,531	6,981	
2	Xây dựng hoàn thiện tuyến ống TD DN600-DN1000 trên đường Vành đai II theo quy hoạch	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn	x					263,636	263,636	100%	-	0%	2022-2023											
3	XD tuyến ống DN400 cấp nước tăng cường cho khu Ngoại giao đoàn theo quy hoạch	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn			x			54,545	54,545	100%	-	0%	2022-2023											
4	Xây dựng tuyến ống DN600, dọc tuyến đường nối Vành đai 2, vành đai 3 đầu nối hoàn thiện MLTỐ TD theo quy hoạch	Cầu trúc lại MLCN để đảm bảo cấp nước an toàn			x			30,342	30,342	100%	-	0%	2022-2023							84	377	461		
5	Xây dựng đoạn ống D800 cắt qua đê tại K59+420 đê Hữu Hồng (cửa khẩu Nhật Tân, ngõ 464 Âu Cơ)	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý				x		5,182	5,182	100%	-	0%	2022-2023											

Ghi chú: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2022

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

Hoar

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

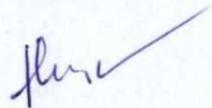
DVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2020	Cùng kỳ năm 2021	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2020	Cùng kỳ năm 2021	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=(4)/(1)	6=(4)/(2)	7=(4)/(3)
A. Chi tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	109,461,435	110,151,650	228,242,962	107,994,402	98.66%	98.04%	47.32%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	90,527,818	94,513,959	193,831,196	92,240,192	101.89%	97.59%	47.59%
3. Tồn kho cuối kỳ	94,844	92,480		97,190	102.47%	105.09%	
B. Chi tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	764,230	801,698	1,647,059	771,813	100.99%	96.27%	46.86%
2. Giá vốn hàng bán	378,615	357,177	786,070	373,278	98.59%	104.51%	47.49%
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	385,615	444,521	860,989	398,535	103.35%	89.65%	46.29%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	17,196	41,473	68,050	45,454	264.33%	109.60%	66.80%
5. Chi phí tài chính	52,920	39,457	95,609	35,925	67.89%	91.05%	37.57%
6. Chi phí bán hàng	266,623	262,586	593,983	262,883	98.60%	100.11%	44.26%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26,974	28,623	79,591	29,151	108.07%	101.84%	36.63%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	56,294	155,328	159,856	116,030	206.11%	74.70%	72.58%
9. Thu nhập khác	200	279		681	340.50%	244.09%	

Nội dung	Cùng kỳ năm 2020	Cùng kỳ năm 2021	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2020	Cùng kỳ năm 2021	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=(4)/(1)	6=(4)/(2)	7=(4)/(3)
10. Chi phí khác	145	1,662		600	413.79%	36.10%	
11. Lợi nhuận khác	55	-1,384		81	147.27%	-5.85%	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56,349	153,944	159,856	116,111	206.06%	75.42%	72.63%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	11,270	28,893	28,771	21,326	189.23%	73.81%	74.12%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	45,079	125,051	131,085	94,785	210.26%	75.80%	72.31%

Ghi chú: Cột (1), (2): Theo BCTC các năm trước liền kề năm Báo cáo. Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính

Người lập biểu
(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế				
- Thuế môn bài	-	11,000,000	11,000,000	-
- Thuế GTGT	226,079,323	315,447,598	735,121,558	173,402,983
- Thuế TNDN	(4,089,031,701)	21,326,097,927	6,680,490,472	10,556,616,745
- Thuế đất	(1,597,884,876)	4,957,322,820	5,590,672,696	-
- Thuế Tài nguyên	5,754,130,000	27,591,256,800	28,486,300,800	4,859,086,000
- Thuế Thu nhập cá nhân	(857,870,152)	977,229,953	473,089,860	2,576,015
2. Các khoản phải nộp khác				-
- Nộp phạt				-
- Phí, lệ phí	64,457,873,097	68,709,380,107	62,924,695,659	70,242,557,545
- Các khoản phải nộp khác	4,418,199,110	-	293,760,000	4,124,439,110
3. Nộp Ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	(17,681,697,320)	40,077,819,624	27,658,484,722	(5,262,362,418)

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

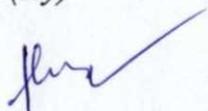
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	39,220,021,715	65,504,669,154		104,724,690,869
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	76,207,485,368	24,968,259,425	38,107,769,063	63,067,975,730
3. Quỹ thưởng VCQLDN	810,455,062	204,891,708	575,362,246	439,984,524
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	-			-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	83,680,000,000			83,680,000,000

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Người lập biểu
(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

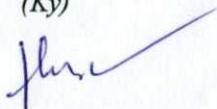
BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ 30/06/2022	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con công ty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng năm 2021	6 tháng đầu năm 2022				
		Kế hoạch	Tại thời điểm 30/06/21	Tại thời điểm 30/06/22	Kế hoạch	Tại thời điểm 30/06/21	Tại thời điểm 30/06/22										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I Công ty con																	
1	CTCP Nước sạch số 2 Hà Nội		548,914	548,914		96.64%	96.64%	568,000	568,000	245,731	245,741	5,782	6,847			> 1	1.19
II Công ty liên kết																	
1	CTCP Viwaco		19,655	19,655		23.70%	23.70%	320,000	320,000	329,729	312,636	34,749	32,097	9,481	25%	> 1	1.04
2	CTCP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội		2,000	2,000		20.00%	20.00%	10,000	10,000	4,890	5,645	(782)	(910)			>1	0.89
3	CTCP nước mặt Sông Hồng		47,964	47,964		8.65%	8.65%	554,655	283,490	0	0	(50)	(20)				
4	CTCP Tháp nước Hà Nội		59,340	59,340		30.00%	30.00%	197,800	197,800	9,422	10,343	0	119			<1	1.65
III Đầu tư tài chính			1,054,961	1,176,961		-	0	0	x	x	x	x	x	x	x	x	x
1	CTCP nước mặt Sông Đuống		99,961	99,961		10.00%	10.00%	999,611	999,611	182,638	178,636	(98,206)	(126,649)			<1	4.12
2	Đầu tư tài chính khác		955,000	1,077,000													

Người lập biểu
(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc

(Ký, đóng dấu)




TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng